

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

Hà Nội - Tháng 8 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17/11/1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29/4/1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/5/1993. Theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND của UBND TP HN về việc chuyển thành Công ty CP, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107437 thay đổi lần thứ 13 ngày 07/05/2021 là: 540.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn Upcom với mã T12.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Vinh Quang	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Tuấn	Thành viên
Ông Đoàn Mạnh Cường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Đức	Trưởng ban
Ông Đặng Hoài Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 03/02/2021)
Bà Trần Thị Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 03/02/2021)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Trọng Tuấn	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Giám đốc
Ông Chử Đức Toàn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Quỳnh	Kế toán trưởng
------------------	----------------

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Trọng Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Số: 199/2021/BCSX-CPA VIETNAM- NV1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi được lập ngày 25/8/2021, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.549.655.099.309	1.897.547.610.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.554.555.552	10.899.788.230
1. Tiền	111		17.554.555.552	10.899.788.230
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	147.500.000.000	16.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.700.000.000	7.700.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		139.800.000.000	8.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.351.306.690.323	1.820.343.760.225
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	507.542.577.482	1.146.163.294.479
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	75.387.338.321	67.350.685.324
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	768.376.774.520	606.829.780.422
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	32.442.750.974	47.408.452.072
1. Hàng tồn kho	141		33.832.457.963	47.819.425.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.389.706.989)	(410.973.809)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		851.102.460	2.395.610.403
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	91.818.195	81.138.109
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		253.856.258	1.809.044.287
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	505.428.007	505.428.007
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		141.034.063.451	145.106.368.174
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		190.000.000	190.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	90.000.000	90.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		75.537.937.761	78.356.383.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	61.249.361.155	63.902.492.123
- Nguyên giá	222		130.658.361.134	130.431.964.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.408.999.979)	(66.529.472.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	14.288.576.606	14.453.891.180
- Nguyên giá	228		16.448.343.936	16.448.343.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.159.767.330)	(1.994.452.756)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.679.266.979	12.314.358.093
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	12.679.266.979	12.314.358.093
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	20.967.427.338	20.967.427.338
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.967.427.338	20.967.427.338
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.659.431.373	33.278.199.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	31.659.431.373	33.278.199.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.690.689.162.760	2.042.653.979.104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		317.769.625.957	1.891.525.630.277
I. Nợ ngắn hạn	310		196.229.001.692	1.769.941.399.952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	179.814.152.839	1.756.656.441.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	703.605.782	1.135.860.570
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	7.578.771.120	4.057.727.853
4. Phải trả người lao động	314		538.618.692	958.851.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		28.693.517	15.047.350
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	150.678.788	641.326.059
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	7.151.919.876	6.167.124.370
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		262.561.078	309.021.078
II. Nợ dài hạn	330		121.540.624.265	121.584.230.325
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	2.771.043.787	2.831.649.847
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	118.769.580.478	118.752.580.478
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.372.919.536.803	151.128.348.827
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	1.372.919.536.803	151.128.348.827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		540.000.000.000	135.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		540.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		817.538.642.748	7.538.642.748
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.579.693.959	1.579.693.959
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.801.200.096	7.010.012.120
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.010.012.120	4.756.832.702
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.791.187.976	2.253.179.418
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.690.689.162.760	2.042.653.979.104

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc



Vũ Trọng Tuấn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	689.113.573.430	1.176.586.897.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.684.264.548	3.626.041.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		687.429.308.882	1.172.960.856.018
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	679.742.434.076	1.162.659.943.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.686.874.806	10.300.912.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	24.002.829.107	950.713.739
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.741.495.471	14.033.952.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.552.753.458	8.984.254.106
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		8.395.454.984	(11.766.579.878)
11. Thu nhập khác	31	6.6	362.529.986	499.803.537
12. Chi phí khác	32	6.6	224.000.000	251.728.341
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		138.529.986	248.075.196
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		8.533.984.970	(11.518.504.682)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.742.796.994	38.909.668
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.791.187.976	(11.557.414.350)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	201,2	(856,1)

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc



Vũ Trọng Tuấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.533.984.970	(11.518.504.682)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.044.842.070	3.588.620.708
- Các khoản dự phòng	03	978.733.180	538.101.841
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.002.829.107)	(950.713.739)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.445.268.887)	(8.342.495.872)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	470.592.257.931	(881.531.951.794)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	13.986.967.918	(9.656.273.264)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.565.761.826.043)	906.976.433.902
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.608.087.981	1.441.182.008
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(494.377.271)	(1.723.559.482)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(46.460.000)	(47.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.091.560.618.371)	7.115.485.498
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(591.305.414)	(2.133.965.036)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(133.000.000.000)	(6.800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	7.800.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.806.691.107	524.833.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(116.784.614.307)	(609.131.297)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.215.000.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(810.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.215.000.000.000	(810.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.654.767.322	5.696.354.201
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.899.788.230	20.281.107.496
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	17.554.555.552	25.977.461.697

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc



Vũ Trọng Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17/11/1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29/4/1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/5/1993. Theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND TP HN về việc chuyển thành Công ty CP, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107437 thay đổi lần thứ 13 ngày 07/05/2021 là: 540.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn Upcom với mã T12.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động của Công ty tại 30/06/2021 là 117 người (Tại 01/01/2021 là 120 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các hàng hóa tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện phục vụ mọi nhu cầu của thị trường;
- Làm đại lý cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước;
- Tổ chức sản xuất, gia công, dịch vụ sửa chữa các đồ dùng điện tử, điện lạnh, phương tiện, đồ điện;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh khách sạn, cho thuê văn phòng đại diện và các dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để mở rộng các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, sản xuất, dịch vụ của Doanh nghiệp;
- Xuất khẩu: hàng thủ công mỹ nghệ (sành sứ, mây tre đan, đồ gỗ), hàng may mặc, hàng công nghiệp nhẹ, hàng nông sản, thủy sản, các loại hóa chất Công nghiệp, hóa chất thực phẩm, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghiệp, rượu sản xuất trong nước;
- Nhập khẩu: vật tư, nguyên liệu, hóa chất và thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng (xe đạp, xe máy, phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe máy), hàng điện tử, dân dụng, hàng điện lạnh, vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, hàng thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, khoáng sản;
- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, gas, khí đốt; Vận chuyển khách phục vụ thăm quan, du lịch;
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đại lý thu đổi ngoại tệ; In lưới thủ công, may, thêu; Kinh doanh hoạt động luyện tập thể dục thẩm mỹ (câu lạc bộ); Trồng giữ ô tô, xe máy, xe đạp./.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty: Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, tư liệu sản xuất, hóa chất, thiết bị; hợp tác kinh doanh; cho thuê và phát triển dự án bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TRẢNG THI**

Số 12-14 phố Trảng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

1. Trung tâm Thương mại Dịch vụ 10B Trảng Thi;
2. Trung tâm Kinh doanh Bán buôn;
3. Trung tâm Kinh doanh Cát Linh;
4. Trung tâm Kinh doanh Trảng Thi;
5. Trung tâm Kinh doanh 24 Thuốc Bắc;
6. Trung tâm Kinh doanh Đông Anh;
7. Xí nghiệp Sửa chữa Cơ - Điện - Lạnh;
8. Trung tâm Kinh doanh Thanh Trì.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo thực tế thu, chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, phương pháp giá bán lẻ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ TRÀNG THI**

Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (không quá 50 năm).

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Định kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lãi hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI

Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hàng hóa, nông sản và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	343.945.037	189.595.626
Tiền gửi ngân hàng	17.013.415.515	10.482.423.604
Tiền đang chuyển	197.195.000	227.769.000
Tổng	17.554.555.552	10.899.788.230

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	139.800.000.000	139.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.800.000.000	6.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Công ty TNHH dược phẩm T&T (ii)	133.000.000.000	133.000.000.000	-	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng SHB, lãi suất 5,7%.

(ii) Khoản đầu tư ngắn hạn theo Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 của Hội Đồng Quản trị thời gian 12 tháng, Theo nghị quyết số 42B/2021/NQ-HĐQT ngày 06/7/2021 của Hội đồng quản trị về việc thoái toàn bộ vốn góp của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tràng Thi tại Công ty TNHH Dược phẩm T&T. Công ty đã bán khoản đầu tư này cho Công ty CP Tập đoàn T&T theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 08-07/2021/HĐCN ngày 08/07/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị trái phiếu;		(*)			(*)	
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	7.700.000.000	-	-	7.700.000.000	-	-

c. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021			01/01/2021		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.967.427.338	(*)	-	20.967.427.338	(*)	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	4.304.880.517	-	-	4.304.880.517	-	-
Công ty CP Đầu tư TM Dịch vụ Xuân Thủy	16.662.546.821	-	-	16.662.546.821	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	507.542.577.482	1.146.163.294.479
Công ty TNHH Đầu tư và TM XNK Tân Thành Nam	152.294.121.880	227.503.795.400
Công ty TNHH Đầu tư KD và PT TM Hoàng Gia Phát	197.821.075.030	315.741.066.300
Công ty CP Đầu tư XD và TM Tín Phát	-	396.366.817.530
Công ty TNHH ĐT và XNK Nông Lâm sản Hải Dương	-	95.484.983.790
Công ty TNHH Phát triển TM và XNK Châu Thành	87.476.680.379	79.470.787.950
Công ty CP Đầu tư SX và KD Thực Phẩm Hà Nội	57.365.737.500	12.230.435.900
Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim	2.889.435.503	12.048.203.885
Các đối tượng khác	9.695.527.190	7.317.203.724
Tổng	507.542.577.482	1.146.163.294.479

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	75.387.338.321	67.350.685.324
Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim	66.800.000.000	66.800.000.000
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Nguyễn Ngọc	8.250.000.000	-
Các đối tượng khác	337.338.321	550.685.324
Trả trước người bán dài hạn	90.000.000	90.000.000
Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng	90.000.000	90.000.000
Tổng	75.477.338.321	67.440.685.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	768.376.774.520	-	606.829.780.422	-
Tạm ứng	6.782.626.585	-	2.555.122.406	-
Phải thu khác	761.594.147.935	-	604.274.658.016	-
<i>Hoàng Trung Phụng</i>	-	-	210.000.000.000	-
<i>Nguyễn Hồng Dũng</i>	-	-	210.627.927.000	-
<i>Trần Nam Trung</i>	-	-	65.585.254.526	-
<i>Trần Quang Huy</i>	-	-	117.000.000.000	-
Công ty CP Sản xuất bao bì và Xuất Nhập Khẩu Hà Nội (1)	176.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu rau quả (2)	200.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (3)	260.876.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	124.718.147.935	-	1.061.476.490	-
Dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Tổng	768.476.774.520	-	606.929.780.422	-

**Trong đó: Phải thu khác
là các bên
liên quan**

1.341.600.000

(Chi tiết tại thuyết minh 7.2)

- (1) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD/TTHI-BB ngày 18/3/2021 với Công ty CP Sản xuất bao bì và Xuất Nhập Khẩu Hà Nội (bên B), theo đó tổng giá trị hợp đồng là: 401.000.000.000 đồng, thời gian hợp tác 6 tháng, bên B là đầu mối quản lý tổng giá trị hợp tác, có trách nhiệm cao nhất bảo toàn và phát triển vốn để thực hiện các hoạt động đầu tư. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/2021/HTKD/TTHI-RAU ngày 18/3/2021 với Công ty CP Xuất nhập khẩu rau quả (bên B), theo đó tổng giá trị hợp đồng là: 400.000.000.000 đồng, thời gian hợp tác 6 tháng, bên B là đầu mối quản lý tổng giá trị hợp tác, có trách nhiệm cao nhất bảo toàn và phát triển vốn để thực hiện các hoạt động đầu tư. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2021/HTKD/TTHI-HK ngày 18/3/2021 với Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (bên B), theo đó tổng giá trị hợp đồng là 460.876.000.000 đồng, thời gian hợp tác 6 tháng, bên B là đầu mối quản lý tổng giá trị hợp tác, có trách nhiệm cao nhất bảo toàn và phát triển vốn để thực hiện các hoạt động đầu tư. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	167.208.427	-	30.160.409	-
Hàng hoá	33.641.840.445	(1.389.706.989)	47.765.856.381	(410.973.809)
Hàng gửi đi bán	23.409.091	-	23.409.091	-
Tổng	33.832.457.963	(1.389.706.989)	47.819.425.881	(410.973.809)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển số tiền là 978.733.180 đồng (năm 2020: 410.973.809VND).

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	91.818.195	81.138.109
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	91.818.195	81.138.109
Dài hạn	31.659.431.373	33.278.199.440
Tiền thuê đất	20.250.278.800	20.425.012.209
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	631.622.981	832.096.535
Lợi thế thương mại	10.777.529.592	12.021.090.696
Tổng	31.751.249.568	33.359.337.549

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
	Phải nộp	4.057.727.853	9.486.789.757	5.965.746.490
Thuế giá trị gia tăng	430.646.415	252.852.805	614.258.877	69.240.343
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	71.277.710	71.277.710	-
Thuế XNK	-	142.555.420	142.555.420	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	494.377.271	1.742.796.994	494.377.271	1.742.796.994
Thuế thu nhập cá nhân	145.352.442	135.832.654	212.969.734	68.215.362
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.987.351.725	7.105.474.174	4.394.307.478	5.698.518.421
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	36.000.000	36.000.000	-
	01/01/2021	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/6/2021
Phải thu	505.428.007	-	-	505.428.007
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	505.428.007	-	-	505.428.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án 47 Cát Linh	12.679.266.979	12.314.358.093
Tổng	12.679.266.979	12.314.358.093

5.10 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	16.448.343.936	16.448.343.936
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2021	16.448.343.936	16.448.343.936
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	1.994.452.756	1.994.452.756
Tăng trong kỳ	165.314.574	165.314.574
Khấu hao trong kỳ	165.314.574	165.314.574
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2021	2.159.767.330	2.159.767.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2021	14.453.891.180	14.453.891.180
Số dư tại 30/06/2021	14.288.576.606	14.288.576.606

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI
Số 12-14 phố Tráng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	109.085.753.921	20.445.234.945	900.975.740	130.431.964.606
Tăng trong kỳ	226.396.528	-	-	226.396.528
Đầu tư XDCB hoàn thành	226.396.528	-	-	226.396.528
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	109.312.150.449	20.445.234.945	900.975.740	130.658.361.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2021	49.536.105.907	16.092.390.836	900.975.740	66.529.472.483
Tăng trong kỳ	2.409.317.042	470.210.454	-	2.879.527.496
Khấu hao trong kỳ	2.409.317.042	470.210.454	-	2.879.527.496
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	51.945.422.949	16.562.601.290	900.975.740	69.408.999.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2021	59.549.648.014	4.352.844.109	-	63.902.492.123
Số dư tại 30/06/2021	57.366.727.500	3.882.633.655	-	61.249.361.155

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 18.403.597.330 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 8.101.183.034 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THISố 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.12 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	179.814.152.839	179.814.152.839	1.756.656.441.197	1.756.656.441.197
Trung tâm mua sắm Nguyễn Kim Tràng Thi	96.681.269	96.681.269	22.229.355.392	22.229.355.392
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Cao Thăng	-	-	239.440.364.000	239.440.364.000
Công ty cổ phần Thăng Hoa	-	-	561.272.566.054	561.272.566.054
Công ty Cổ phần Logistics Hong Kong	-	-	124.330.081.700	124.330.081.700
Công ty Cổ phần Nông sản Benlin	-	-	72.367.806.428	72.367.806.428
Công ty cổ phần nông sản Bờ Biển Ngà	-	-	141.622.258.700	141.622.258.700
Công ty Cổ phần Nông sản Sông Lam	-	-	126.331.807.000	126.331.807.000
Công ty Cổ phần nông sản Việt Phi	-	-	110.868.886.400	110.868.886.400
Công ty Cổ phần điều Organic Bissau	26.873.951.620	26.873.951.620	168.473.951.620	168.473.951.620
Công ty TNHH Kinh doanh và DV Thương mại Toàn Phát	66.295.884.520	66.295.884.520	84.853.208.270	84.853.208.270
Công ty TNHH KDTM và PTDV Sơn La	59.644.303.670	59.644.303.670	-	-
Công ty TNHH Phát triển TM và DV Quốc Hưng	19.976.260.236	19.976.260.236	95.311.153.490	95.311.153.490
Đối tượng khác	6.927.071.524	6.927.071.524	9.555.002.143	9.555.002.143
Tổng	179.814.152.839	179.814.152.839	1.756.656.441.197	1.756.656.441.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	703.605.782	1.135.860.570
Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần	282.333.032	282.333.032
Các đối tượng khác	421.272.750	853.527.538
Tổng	703.605.782	1.135.860.570

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	150.678.788	641.326.059
Doanh thu cho thuê nhà và doanh thu khác	150.678.788	641.326.059
Dài hạn	2.771.043.787	2.831.649.847
Doanh thu cho thuê nhà và doanh thu khác	2.771.043.787	2.831.649.847
Tổng	2.921.722.575	3.472.975.906

5.15 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	7.151.919.876	6.167.124.370
Bảo hiểm xã hội;	-	(2.479.575)
Các khoản phải trả khác	7.151.919.876	6.169.603.945
Dài hạn	118.769.580.478	118.752.580.478
Nhận ký quỹ, ký cược	6.058.660.000	6.041.660.000
Vốn góp Công ty CP TM Nguyễn Kim tại 10B	112.710.920.478	112.710.920.478
Tổng	125.921.500.354	124.919.704.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	9.780.314.984	153.411.910.550
Tăng trong năm	-	-	486.741.141	2.253.179.418	2.739.920.559
Lãi trong năm	-	-	-	2.253.179.418	2.253.179.418
Tăng khác	-	-	486.741.141	-	486.741.141
Giảm trong năm	-	-	-	5.023.482.282	5.023.482.282
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	486.741.141	486.741.141
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	486.741.141	486.741.141
Chia cổ tức	-	-	-	4.050.000.000	4.050.000.000
Số dư tại 31/12/2020	135.000.000.000	7.538.642.748	1.579.693.959	7.010.012.120	151.128.348.827
Số dư tại 01/01/2021	135.000.000.000	7.538.642.748	1.579.693.959	7.010.012.120	151.128.348.827
Tăng trong kỳ	405.000.000.000	810.000.000.000	-	6.791.187.976	1.221.791.187.976
Tăng vốn (i)	405.000.000.000	810.000.000.000	-	-	1.215.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	6.791.187.976	6.791.187.976
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	540.000.000.000	817.538.642.748	1.579.693.959	13.801.200.096	1.372.919.536.803

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2021 của Đại hội đồng cổ đông, trong kỳ Công ty đã thực hiện chào bán thành công 40.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá trị 1.215.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Tập đoàn T&T	108.000.000.000	27.000.000.000
Vũ Trọng Tuấn	132.869.000.000	33.000.000.000
Lê Anh Dũng	98.376.000.000	24.594.000.000
Nguyễn Phú Quân	44.456.000.000	11.114.000.000
Cổ đông khác	156.299.000.000	39.292.000.000
Tổng	540.000.000.000	135.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	135.000.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	405.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	540.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.050.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.000.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	54.000.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	54.000.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	54.000.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	54.000.000	13.500.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.579.693.959	1.579.693.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	684.627.013.286	1.169.875.761.307
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.486.560.144	6.711.136.529
Tổng	689.113.573.430	1.176.586.897.836

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chiết khấu thương mại	954.545	-
Giảm giá hàng bán	461.081.818	39.454.545
Hàng bán bị trả lại	1.222.228.185	3.586.587.273
Tổng	1.684.264.548	3.626.041.818

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	676.883.661.425	1.155.729.075.673
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.837.505.831	7.340.900.507
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(978.733.180)	(410.032.825)
Tổng	679.742.434.076	1.162.659.943.355

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	174.226.633	524.833.739
Cổ tức lợi nhuận được chia (i)	23.828.602.474	425.880.000
Tổng	24.002.829.107	950.713.739

(i) Là khoản lợi nhuận được chia của các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.552.753.458	8.984.254.106
Chi phí nhân viên quản lý	4.565.931.543	4.980.118.262
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	57.438.822	80.758.087
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.422.397	215.101.901
Chi phí thuê nhà, thuê đất	4.529.076.393	1.228.158.863
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.243.561.104	1.243.561.104
Chi phí bằng tiền khác	1.060.323.199	1.236.555.889
Chi phí bán hàng	11.741.495.471	14.033.952.174
Chi phí nhân viên bán hàng	2.449.719.052	3.361.663.317
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	15.830.613	272.640.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.877.630.789	2.147.746.080
Chi phí thuê nhà, thuê đất	5.021.486.813	4.532.548.712
Chi phí bằng tiền khác	2.376.828.204	3.719.353.532

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	362.529.986	499.803.537
Tổng	362.529.986	499.803.537
Chi phí khác		
Chi phí khác	224.000.000	251.728.341
Tổng	224.000.000	251.728.341
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	138.529.986	248.075.196

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	8.533.984.970	(11.518.504.682)
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	180.000.000	194.548.341
Chi phí không được trừ	180.000.000	194.548.341
Thu nhập tính thuế	8.713.984.970	(11.323.956.341)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.742.796.994	38.909.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.791.187.976	(11.557.414.350)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.791.187.976	(11.557.414.350)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	54.000.000	13.500.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	33.750.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	201,2	(856,1)

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Từ ngày 27/4/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao và thu nhập khác	144.000.000	142.522.222
Ban kiểm soát	Thù lao và thu nhập khác	75.000.000	64.160.000
Ban Giám đốc	Lương và thu nhập khác	971.000.000	1.266.326.912
Tổng		1.190.000.000	1.473.009.134

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia		-	425.880.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	425.880.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/6/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn		-	1.341.600.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.341.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc



Vũ Trọng Tuấn

